



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN TRUNG
Last Middle First

Current Address: 54/12 Nguyen-Cu-Trach - Q1 - Hochiminh City

Date of Birth: 1938 Place of Birth: Ba Son

Previous Occupation (before 1975) Major ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-1975 To 04-20-1984
Years: 08 Months: 10 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>Tran-xuan-Thanh</u>	<u>friend</u>
<u>U O U</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>Tran. Hui. NO</i>	<i>1944</i>	<i>wife</i>
<i>Huynh. Minh. Tri</i>	<i>1974</i>	<i>son</i>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon ngày 28. Tháng 7 năm 1988

Huỳnh Văn Trung
54/12 Nguyễn Huệ Trưng, Q1
Hồ Chí Minh City - Việt Nam

Kính gửi,
Bà Khúc Minh Thảo
PO. BOX 5435
ARLINGTON VA. 22205-0635
U.S.A.

Thưa Bà,
Tôi là Huỳnh Văn Trung, nguyên là sĩ quan của chế độ cũ, làm việc tại Tổng Cục Chiêu Hồi Chính Trị Saigon. Sau năm 1975 đi cải tạo từ 15.6.1975 và được thả về
ngày 25.4.1984.

Vào tháng 10/1984 tôi có chuyến thăm đầu tiên phòng C.D.P ở Bangkok Thái Lan với các hồ sơ cần thiết. Đến hôm nay tôi cũng chưa nhận được kết quả gì như IV hay LOI.

Tôi ước mong được Bà giúp đỡ để được biết tình trạng của tôi.

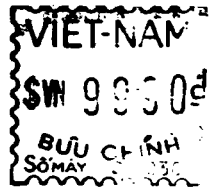
Trong khi chờ đợi kết quả, tôi xin chân thành cảm ơn Bà.

Đính kèm:

- INTAKE FORM
- Photocopy of release certificate
- Photo.



Fr. Huỳnh Văn Trung
54/12 Nguyễn Cửu Trinh
Tp. Hồ Chí Minh Việt Nam

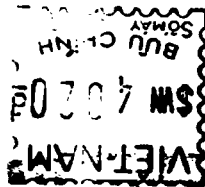


MÃY BAY
PAR AVION

To. Mrs. Khúc Minh Thở
P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA.
22205-0635

5435 10010809 NEW CR 8009
***** AUTOMATED MAIL (MUM) *****

PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635



Ngày 21-8-1989

Thưa Bà

Kính phúc tập khi Bà về ngày
5 tháng 5 năm 1989, chúng tôi xin
bồi tuc hồ sơ thuộc văn Trung gồm:

Cá nhân:

- Giấy khai sinh 1 bản
- Photocopy chứng minh ND 1 bản
- Photocopy hộ khẩu 1 bản
- Nghị định cấp bậc QĐ 1 bản

Lưu vô:

- Giấy khai sinh 1 bản
- Photocopy chứng minh ND 1 bản
- Hòm thư 2 bản

Con:

- Giấy khai sinh 1 bản.

Tổng cộng

9 bản.

Trân trọng chuyển đến quý Hội.

Kính thư

- 1 Văn bằng tốt nghiệp



Huỳnh Văn Trung

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

HQRQ. Phước-Tuy

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Phước-Lĩ

B A - R I A

(NAM-PHẦN)

(Sud Viet-Nam)

NĂM
(Année) **1938**

SỐ HIỆU
(Acte No) **237**

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	HUỖNH-VĂN-TRUNG
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Masculin
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Le 21 Juin 1938
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phước-Lĩ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Huỳnh-văn-Dường
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Planton au tribunal
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Long-Hương
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Trần-thị-Nguyên
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Ménagère
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Long-Hương

Premier rang

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại
(Greffier en Chef du Tribunal).

Ngày 19

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

ngày 19

Phước-Tuy CHÁNH LỤC-SỰ-
LE GREFFIER EN CHEF

70



BÙI VĂN TÍCH

Giá tiền:
(Cont) **15000**

Biên-lai số:
(Quittance No) **6176**

TỔNG THAM-MU TRƯỞNG
QUAN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

VIET-NAM CÔNG-HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TÔNG THAM-MU QUÂN CH
Số 361 /TTM/ND

- Chiếu Hiến pháp VNCH ngày 01 tháng 04 năm 1957,
- Chiếu Sắc-lệnh số 13/TT/SL ngày 18.02.1974 an định thành phần Chính phủ,
-

NGHI - ĐỊNH :

ĐIỀU 1.- Nay chấp thuận cho các sĩ-quan có tên dưới đây, được mang cấp
Thiếu-Tá Nhiệm chức vì chức vụ kể từ ngày 31.03.1974.

BỘ BINH

01	Đại-Ủy HD	NGUYEN-DINH-THUY	Sq. 48/303.384	Tổng-Cục CTCT
02	-nt-	NGUYEN-VAN-HOA	- 55/509.811	-nt-
17	Đại-Ủy TB	NGUYEN-HUU-HIEN	- 59/160.820	-nt-
29	-nt-	HUYNH-VAN-TRUNG	- 58/106.107	-nt-
30	-nt-	LƯU-TRUNG-THE	- 58/149.413	-nt-
34	-nt-	MACH-VAN-QUỐC	- 57/177.646	-nt-
35	-nt-	CHU-VAN-HOA	- 58/104.540	-nt-
41	-nt-	VU-NGANG-DIEP	- 63/139.168	-nt-

54

ĐIỀU 2.- Tham-Mu Trưởng Bộ Tổng Tham-Mu chiếu nhiệm vụ thi hành Nghi-
định này.-

KBC. 4.002 ngày 18 tháng 05 năm 1974

Đại-Tướng CAC-VAN-VIEN
Tổng-Tham-Mu Trưởng QLVNCH
(ấn ký)

TRÍCH SÁCH Y GỢI:

- Khôi-Tổ-chức, Hành danh,
Ngân sách, Kế-hoạch, TT Giac
Te Dân sự, Thể Dục Thể Thao.
'Đề cao tri và tổng đạt'
- TTHSCN/Bộ TTM (16b)
- K.TC/P.NV/Ban HSP+QS (16b)
'Đề nhật tu học sở'
- SQ Phát hươg viên/K.HC/TOCTCT
- TD, 5/CTCT/Ban Tài Ngân (16b)
'Đề làm lương cho các SQ đương sự'
- Ho-sơ. - Lưu.

VIET-NAM CÔNG-HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TÔNG THAM-MU QLVNCH
TỔNG CỤC CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRI
BỘ THAM-MU

Điện thoại : 40.342
Số: 4450 TCCTCT/TC/NV/CI

KBC. 3529 ngày 23 tháng 05 năm 1974

TL. Trung-Tướng TRẦN-VAN-TRUNG
Phu-Tá CTCT Tổng-Tham-Mu Trưởng
Kiêm Tổng-Cục Trưởng
Tổng-Cục Chiến-Tranh Chính-Tri
Đại-Tá NGUYEN-VAN-THAI
Tham-Mu Trưởng.



Char.

UNIVERSITE DE SAIGON

FACULTE DE DROIT

Nº 1919-LK/RH/CC

ATTESTATION PROVISOIRE

LE DOYEN DE LA FACULTE DE DROIT DE SAIGON

ATTESTE QUE :

M. HUYNH VÂN TRUNG,

Né le 21 Juin 1938 à PHƯỚC-LÊ, BÀ-RIÀ,

a été reçu aux examens de LICENCE EN DROIT

(SECTION : "DROIT PRIVE"),

Session du 15 Juin 1972 à SAIGON,

Mention { 1er Oral : PASSABLE -
(2è Oral : PASSABLE.

Cette attestation est délivrée provisoirement sous réserve de la ratification ultérieure du résultat des examens par M. Le Ministre de la Culture et de l'Education Nationale.-

SAIGON, le 8 Août 1972

LE REDACTEUR DU CERTIFICAT :

Le Chef du Bureau de l'Enseignement
et des Examens,
Signé: NGUYEN-THI-TIENG.

LE DOYEN,

Signé: Pr. BUI-TUONG-CHIEU
(avec cachet).-

SERVATION : Aucun duplicata du présent certificat ne sera délivré : les intéressés devront en faire établir, le cas échéant, des copies certifiées conformes.-

-O-O-O-O-O-

Vu pour légalisation de la signature
apposée ci-contre de M. HUYNH CÔNG-CHI,
Interprète assermenté à la Cour d'Appel
de Saigon.



18 DECEMBRE 1972
P. Le Procureur Général
L'Avocat Général

Ma

NGUYEN-MANH-NHU

POUR TRADUCTION CONFORME
Saigon, le 18-12-1972,
L'Interprète assermenté,

HUYNH CÔNG-CHI
Thống-Ngôn-Hữu-Thê
Interprète assermenté



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022501560**

Họ tên: **HUỲNH VĂN TRUNG**



Sinh ngày: **21-06-1938**

Nguyên quán: **Quận 1,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: **54/12 Nguyễn-**
CuTrinh, Q1, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nét ruồi cách 1cm
dưới sau đầu mắt
trái.



Ngày tháng 9 năm 1986

TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~020247019~~

Họ tên: **TRẦN THỊ NỖ**



Sinh ngày: **12-11-1944**

Nguyên quán: **Phước Hiệp,**

Đồng Nai.

Nơi thường trú: **54/12 Nguyễn-
Cử Trinh, Q1, TP. Hồ Chí Minh.**

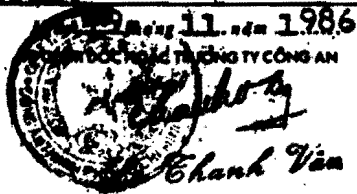
Dân tộc: Kinh..... Tôn giáo: Không.....

.....DẤU VẾT LIỀNG HOẶC DẤU HÌNH.....

.....Sọc sẫm cách 2cm.....
.....dưới trước đuôi mắt.....
.....trái.....

NGƯỜI TRỎ TRÁI

NGƯỜI TRỎ PHẢI



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 12643 CN

Họ và tên chủ hộ :

Ấp, ngõ, số nhà :

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường :

Huyện, quận :

Ngày 10 tháng 13 năm 1982



Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Chức vụ, công an :

Số NK 3

Phan Văn NGUYỄN HỒNG PHÁP

DATE: 10/1/71

[illegible]

REPUBLIQUE DU VIET-NAM

EXTRAIT des minutes du Greffe de la Justice de Paix de SAIGON.

Du 11 Février 1949

ACTE DE NOTORIETE tenant lieu d'acte de naissance de TRẦN-THỊ-NO.

L'an mil neuf cent quarante-neuf et le onze du mois de Février, à 15 heures,

Par devant nous TÀ-TRUNG-NHIANG, Juge de Paix p.i. de la ville de Saigon étant en notre cabinet sis à la Justice de Paix de ladite ville, 115, Bd. Charner, assisté de M. Joseph NGUYEN VĂN TRA, Commis-Greffier et de M. NGUYEN QUANG TIN, interprète assermenté pour la langue annamite.

ONT COMPARU :

1°) M. LAM VĂN SIENG, 35 ans, laissez-passer N° 60/3 de Saigon, réparateur de cycles, demeurant à Saigon, 6, rue Mac Mahon;

2°) M. VO VĂN PHAN, 23 ans, laissez-passer N° 867 du 9° Quartier de Cholon, mécanicien, demeurant à Cholon, 46/5, Bd. Gallieni;

3°) M. NGUYEN VĂN LONG, 36 ans, laissez-passer N° 20.621/3 de Saigon, coiffeur, demeurant à Saigon, 52, rue Charles de Cappe.

Lesquels témoins, pour rendre hommage à la vérité et serment préalablement prêté, nous ont déclaré et attesté connaître parfaitement la jeune

TRẦN - THỊ - NO,

et, savoir qu'elle est née le 12 Novembre 1944 à Phước-Hiệp (Bienhoà), de Trần-văn-Quan et de Đặng-thị-Nghiên;

Et qu'il est, à leur connaissance, que les causes pour lesquelles elle ne peut obtenir la représentation de son acte de naissance, proviennent de la destruction de l'original de son acte de naissance, ainsi qu'il résulte de la réponse de M. le Greffier du Tribunal de Bienhoà en date du 12 Janvier 1949;

Desquels faits que les témoins sus-nommés nous ayant certifié sincères et véritables, nous avons délivré le présent acte de notoriété pour suppléer à l'acte de naissance de la jeune

TRẦN - THỊ - NO,

À l'effet de constituer le dossier d'allocations familiales de son père, et ce, en exécution de l'Arrêté du 17 Novembre 1947 de M. le Président du Gouvernement provisoire de la République de Cochinchine, - Lecture des articles 363 et suivants du Code pénal modifié punissant le faux témoignage en matière civile d'un emprisonnement de deux à cinq ans, et d'une amende de 50 à 2.000 francs a été faite aux témoins et au requérant.

Et les témoins ont signé avec nous, notre Greffier et notre interprète après lecture et traduction. -

Signé : TÀ TRUNG NHIANG - J. NGUYEN VAN TRA - NGUYEN QUANG TIN - LAM VAN SIENG - VO VAN PHAN et NGUYEN VAN LONG -

En marge est écrit : Enregistré au 3° Bureau de Saigon (A.J.)

Le Quatorze Février 1949 -

Folio 2 - Page 1 - G R A T I S -

Signé : ILLISIBLE.

POUR EXPEDITION CONFORME :

A SAIGON, le 26 Avril 1956

M. LE GREFFIER,

C O U T :

- Expédition.... 1\$00

- Quittance..... 0.50

TOTAL.... 1\$50



CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỌ TÊN: ĐOÀN
QUỐC: Sài-Việt
Số hiệu: 30

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THU

Lập ngày 12 tháng 10 năm 1973

Tên họ chồng	HUYỀN VĂN TRUNG
Ngày và nơi sanh	21-06-1930 tại Phước Lễ, Bà-Nhà
Tên họ cha chồng	Huỳnh Văn Dưỡng (Sinh khế)
Tên họ mẹ chồng	Trần Thị Nguyên (Sinh khế)
Tên họ vợ	TRẦN THỊ NG
Ngày và nơi sanh	12-11-1930 tại Phước Lễ, Bà-Nhà
Tên họ cha vợ	Trần Văn Văn (Sinh khế)
Tên họ mẹ vợ	Đặng Thị Nguyên (Sinh khế)
Ngày lập hôn thú	Mười hai tháng mười năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba trăm bảy mươi ba-1973
Có lập hôn khế không	///

TRÍCH-LỤC Y BAN CHA Đ

Saigon, ngày 12 tháng 10 năm 1973

VIỆN-CHỨC HỘ-TỊCH



Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: Đông

Thành phố, Tỉnh: Sài Gòn Bà Rịa

BẢN SAO

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Số 98

Quyển số _____

	VỢ	CHỒNG
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>TRẦN THỊ NG</u>	<u>HUYỀN VĂN THƯỢNG</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>12-11 1944</u>	<u>21-06 1938</u>
Quê quán	<u>Phước Hiệp Biên Hòa</u>	<u>Phước Lễ Bà Rịa</u>
Nơi đăng ký thường trú	<u>40 Nguyễn Lâm ấp Bắc số II xã Bình Hòa Gia Định</u>	<u>Sài Gòn 74/12 Nguyễn Cư Trinh</u>
Nghề nghiệp	<u>Hoạt Viên</u>	<u>Quân Nhân</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>/</u>	<u>/</u>
Số CMND hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày 12 tháng 10 năm 1973

TM/UBND 02 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 12 năm 1988 D

TM/UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



CHẠNH VĂN
PHO VĂN DƯƠNG
[Signature]

50d

ỦY BAN NHÂN DÂN
HỘI ĐỒNG
BÀ KIỂM TRA

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

MÄH HT3/P3

Xã, Thị trấn BH

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh Đà Nẵng

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

S6 3292

Quyền số

[illegible]

Họ và tên	HUYỀN MINH TRÍ		Nam, nữ	nam
Sinh ngày tháng, năm	ngày 11 tháng 05 năm 1974			
Nơi sinh	T T T T Y Khoa và Bình Hòa			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Văn Trung		Trần Thị Nở	
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKNK thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Văn Phụng			

NHẬN THỰC SAO Y: ~~BẢN CHÍNH~~

Ngày 15 tháng 1 năm 1960

TM/UBNL

ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 14 tháng 5 năm 74
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



TỔ HỒ TỊCH

Q. BÌNH THANH

Trần Văn Long

Trai

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mau 25 001-QLTG, ban

hình theo công van số

ngày 27 th
năm 1972



SILVER

GIẤY RA TRẢ

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thủ hành án văn, quyết định tha số 197 ngày 25 tháng 03 năm 1984

của BỘ HỘI VÀ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây!

Họ tên khai sinh: **Huỳnh Văn Trang** Sinh năm 19 **38**

Các tên gọi khác

Nơi sinh Bà Rịa.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 54/12 Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM

Can tời Thiếu tá sĩ quan điều hành.

Bị bắt ngày 15-6-75 Ấn phạt **TT02**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, công thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại: 54/12 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP: Hồ Chí Minh

Nhìn xét quá trình cải tạo

Đã có nhiều kiến độ, chấp hành nội quy nghiêm, Lao động và học tập tốt.

— 1944 1945 1946 1947 1948 1949 1950 1951 1952 1953 1954 1955 1956 1957 1958 1959 1960 1961 1962 1963 1964 1965 1966 1967 1968 1969 1970 1971 1972 1973 1974 1975 1976 1977 1978 1979 1980 1981 1982 1983 1984 1985 1986 1987 1988 1989 1990 1991 1992 1993 1994 1995 1996 1997 1998 1999 2000 2001 2002 2003 2004 2005 2006 2007 2008 2009 2010 2011 2012 2013 2014 2015 2016 2017 2018 2019 2020 2021 2022 2023 2024 2025 2026 2027 2028 2029 2030 2031 2032 2033 2034 2035 2036 2037 2038 2039 2040 2041 2042 2043 2044 2045 2046 2047 2048 2049 2050 2051 2052 2053 2054 2055 2056 2057 2058 2059 2060 2061 2062 2063 2064 2065 2066 2067 2068 2069 2070 2071 2072 2073 2074 2075 2076 2077 2078 2079 2080 2081 2082 2083 2084 2085 2086 2087 2088 2089 2090 2091 2092 2093 2094 2095 2096 2097 2098 2099 2100 2101 2102 2103 2104 2105 2106 2107 2108 2109 2110 2111 2112 2113 2114 2115 2116 2117 2118 2119 2120 2121 2122 2123 2124 2125 2126 2127 2128 2129 2130 2131 2132 2133 2134 2135 2136 2137 2138 2139 2140 2141 2142 2143 2144 2145 2146 2147 2148 2149 2150 2151 2152 2153 2154 2155 2156 2157 2158 2159 2160 2161 2162 2163 2164 2165 2166 2167 2168 2169 2170 2171 2172 2173 2174 2175 2176 2177 2178 2179 2180 2181 2182 2183 2184 2185 2186 2187 2188 2189 2190 2191 2192 2193 2194 2195 2196 2197 2198 2199 2200 2201 2202 2203 2204 2205 2206 2207 2208 2209 2210 2211 2212 2213 2214 2215 2216 2217 2218 2219 2220 2221 2222 2223 2224 2225 2226 2227 2228 2229 2230 2231 2232 2233 2234 2235 2236 2237 2238 2239 2240 2241 2242 2243 2244 2245 2246 2247 2248 2249 2250 2251 2252 2253 2254 2255 2256 2257 2258 2259 2260 2261 2262 2263 2264 2265 2266 2267 2268 2269 2270 2271 2272 2273 2274 2275 2276 2277 2278 2279 2280 2281 2282 2283 2284 2285 2286 2287 2288 2289 2290 2291 2292 2293 2294 2295 2296 2297 2298 2299 2300 2301 2302 2303 2304 2305 2306 2307 2308 2309 2310 2311 2312 2313 2314 2315 2316 2317 2318 2319 2320 2321 2322 2323 2324 2325 2326 2327 2328 2329 2330 2331 2332 2333 2334 2335 2336 2337 2338 2339 2340 2341 2342 2343 2344 2345 2346 2347 2348 2349 2350 2351 2352

• Tiền đi đường đủ cấp đủ.

Buong ay phải trình di... UBND Phường 5, xã: **Nơi về cư trú**

Trước ngày 28 tháng 4 năm 1984

Lâm tụy ngôn ngữ phải

Của **Hàynh Văn Trung.**

Danh bản 15

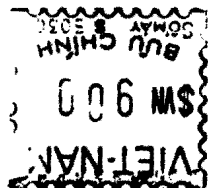
Đầu tiên, chúng ta hãy

[illegible]

4 Nov 1984

thầy là Phan Kế Phóng

From: Huynh van Trung
54/12 Nguyen Cu Trinh, Q1
Ho Chi Minh City Viet Nam



To: Mrs KHMC MINH THO
PO. BOX 5435
ARLINGTON Va. 22205-0635
U.S.A.

INTAKE FORM

Prisoner's name HUYNH VAN TRUNG
 Date, place of birth June, 21st 1938 Phuoc Le Ba Ria
 Sex Male
 Marital status Married
 Address in Viet Nam 54/12 Nguyen Cu Trinh, Q1 Ho Chi Minh City Viet Nam
 Political prisoner Yes, from June 15th 1975 to: April 26th 1984
 Place of re-education camp: Long Giao, Tam Hiệp, Yên Bái, Hoàng Liên Sơn, Vinh
 Phú, 2380 Hàm Tân.
 Profession Operation officer - Political Warfare Departement / JG-S
 Education in US No
 Viet Nam army Rank: Major
 Viet Nam government Clerk of the court before 1964.
 Application for ODP: Yes. I have not received any reply or LOI + IV number
 Number of dependent accompanying relatives: Two (2)
 Name of dependent accompanying relatives: see below.
 Mailing address in Viet Nam: 54/12 Nguyễn cu Trinh, Q1 Ho Chi Minh City
 Viet Nam.

Name address of sponsor/relative: No

US citizen No

// Relationship with prisoner: THANH. X. TRAN,

Name and signature, address of important: HUYNH VAN TRUNG, 54/12 Nguyen Cu
 Trinh, Q1, Ho Chi Minh City V.N

Date: 28. July. 1988.

Name of principal applicant (PA) HUYNH VAN TRUNG

Name of dependent/Accompanying Relatives	Date of Birth	Relationship to PA.
TRAN THI NO	November, 12 th 1944	Wife
HUYNH MINH TRI	May 11 th 1974	Son

Additional information:

In October 1984, I sent one application with complete attached documents to the ODP office in Bangkok, but until now I have not received any reply IV or LOI.

CONTROL

8 Card
8 Doc. Request; Form
8 Release Order
8 Computer
8 Form "D"
8 ODP/Data
8 Membership; Letter

5/5